

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 26-7-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Trương Quang Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đoàn Tấn P, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông P: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2023).

**- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 8, ấp H, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

**2. Bị đơn:**

**- Bà Lê Võ Thị Thúy H, sinh năm: 1966.**

**- Bà Hà Thị Kim N, sinh năm: 2000.**

**Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.**

*(Ông T có mặt; bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H, bà N vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2022 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:*

Năm 2018, bà Lê Võ Thị Thúy H có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Tân P của ông Đoàn Tấn P, bà Nguyễn Thị Mỹ D để mua nợ vật tư về sản xuất lúa. Tổng số

tiền bà H nợ ông P, bà D là 420.000.000 đồng, bà H hẹn sau khi thu hoạch lúa (khoảng 04 tháng sau) sẽ trả tiền nhưng bà H không thực hiện như cam kết.

Ngày 20/10/2019, bà H cùng con gái là Hà Thị Kim N đến đại lý Tấn P để đòi chiếu công nợ, hai bên cùng thống nhất số tiền bà H nợ ông P, bà D là 420.000.000 đồng. Bà H, bà N cùng ký tên vào “biên bản thỏa thuận xác nhận nợ” và cam kết trả nợ cho ông P, bà D. Tuy nhiên, đến nay bà H, bà N vẫn không trả tiền cho ông P, bà D. Bà H là người đại diện trực tiếp mua bán với ông P, bà D nhưng bà N là con gái làm chung với bà H cũng biết và ký tên cam kết trả nợ cho ông Ph, bà D.

Tại phiên tòa, ông T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và bà D có đơn xin thay đổi yêu cầu, ông T và bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Võ Thị Thúy H và bà Hà Thị Kim N phải liên đới trả cho ông P, bà D số tiền gốc 420.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được, do bà H và bà N vắng mặt. Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:* Ông P, bà D yêu cầu bà Lê Võ Thị Thúy H, bà Hà Thị Kim N phải liên trả cho ông P, bà D số tiền 420.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận vì: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận xác nhận công nợ ngày 20/10/2019, bà H và bà N có ký biên nhận xác nhận công nợ với đại lý Tấn P số tiền là 420.000.000. Do bà H, bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông P, bà D khởi kiện yêu cầu bà H, bà N phải liên đới trả cho ông P, bà D số tiền gốc 420.000.000 đồng là có căn cứ xem xét theo quy định tại các Điều 430, 433, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T đại diện cho ông P và bà D rút yêu cầu về việc tính lãi suất, không yêu cầu tính lãi suất là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Lê Võ Thị Thúy H, bà Hà Thị Kim N có địa chỉ tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Bà H, bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà H, bà N nhưng bà H, bà N vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông P và bà D xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc ông T và bà D xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông P, bà D yêu cầu bà H, bà N phải liên đới trả số tiền gốc 420.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và cung cấp giấy thỏa thuận xác nhận nợ có chữ ký và ghi tên Lê Võ Thị Thúy H, Hà Thị Kim N.

**[3] Hội đồng xét xử nhận định:**

[3.1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do ông Đoàn Tấn P, bà Nguyễn Thị Mỹ D cung cấp cho bà H, bà N tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H và bà N biết. Tuy nhiên, bà H và bà N không phản đối với chứng cứ do ông P, bà D cung cấp và cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không mua bán với ông P, bà D. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.2] Bà Hà Thị Kim N không trực tiếp mua bán với ông P, bà D nhưng bà N ký tên vào biên bản thỏa thuận xác nhận nợ với ông P, bà D. Điều này chứng tỏ bà N biết việc mua bán giữa bà H với ông P, bà D và đồng ý ký nhận nợ với ông P, bà D.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông P, bà D mua bán tài sản (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) với bà H, bà N là có thật. Nay ông P, bà D yêu cầu bà H và bà N phải liên đới trả tiền nợ mua bán 420.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”.

[3.3] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông P, bà D được chấp nhận nên bà H và bà N phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông P, bà D.

Ông P, bà D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông P, bà D.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Tấn P, bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với bà Lê Võ Thị Thúy H, bà Hà Thị Kim N về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Bà Lê Võ Thị Thúy H, bà Hà Thị Kim N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Tấn P, bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Lê Võ Thị Thúy H, bà Hà Thị Kim N phải liên đới chịu 20.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đoàn Tấn P, bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông P, bà D 13.510.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003414 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Chí Dũng**